

CUỘC ĐỜI CỦA HỒ NGUYỄN TRỪNG – NGƯỜI ĐẦU TIÊN PHÁT MINH RA SÚNG DÙNG HỎA LỰC

Ngô Thị Xinh

Đại học Quốc gia Thành Công

Tóm tắt: Hồ Nguyên Trừng (1374-1446), tên tự Mạnh Nguyên, hiệu Nam Ông, còn có tên gọi khác Lê Trừng và Hồ Trừng. Hồ Nguyên Trừng là con trai cả của Hồ Quý Ly, từng giữ chức Tư Đồ của nhà Trần ở Việt Nam, chức vụ Tả Tướng Quốc của nhà Hồ, sau đó được phong là Vệ Quốc Đại Vương. Năm 1407, nhà Minh xâm lược Việt Nam, Hồ Nguyên Trừng bị bắt và mang về Nam Kinh. Hồ Nguyên Trừng giỏi binh khí và có khả năng chế tạo súng “thần thương hỏa khí” nên được nhà Minh giữ lại, phong làm quan, từ Công Bộ Tả thị lang được thăng chức Công Bộ Thượng thư và được quân sĩ nhà Minh phong “hỏa khí chi Thần”. Bài viết tập trung nghiên cứu về cuộc đời của Hồ Nguyên Trừng khi làm quan ở Việt Nam và Trung Quốc, cùng những cống hiến và phát minh về súng của ông cho nhân loại.

Từ khóa: Triều Hồ, Quân sĩ nhà Minh, Hồ Quý Ly, hỏa khí chi Thần, Hồ Nguyên Trừng

Nhận bài ngày 14.10.2020; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 26.10.2020
Liên hệ tác giả: Ngô Thị Xinh; Email: k18047015@gs.ncku.edu.tw

1. MỞ ĐẦU

Đất nước Việt Nam trải qua các thời kỳ lịch sử, với những tên gọi khác nhau như Văn Lang, Âu Lạc, Vạn Xuân, Giao Chỉ, An Nam,... Việt Nam và Trung Quốc từ lâu đã có mối quan hệ khá mật thiết, có người Trung Quốc ở Việt Nam buôn bán, làm ăn và cũng có người Việt Nam bị đem về Trung Quốc theo nhiều cách khác nhau. Cho dù nguyên nhân nào đi chăng nữa thì họ đã sống cuộc đời còn lại ở đó và làm việc cho triều đại đương thời. Hồ Nguyên Trừng là con trai cả của vua Hồ Quý Ly, nhân vật rất nổi tiếng trong lịch sử nước ta. Ông là vị tướng có tài và có nhiều giai thoại về cuộc đời và quan nghiệp. Sinh ra, lớn lên ở Việt Nam nhưng nửa cuối đời còn lại thì bị bắt về Trung Quốc làm quan, chính vì vậy sử liệu Việt Nam rất ít ghi chép về cuộc đời còn lại của Ông ở Trung Quốc. Bài nghiên cứu này tập trung nghiên cứu về Hồ Nguyên Trừng trong thời gian ông làm quan ở Trung Quốc và những cống hiến, phát minh của ông trong thời gian này, và trình bày sơ lược quá trình ông làm quan ở Việt Nam, nhằm hiểu rõ hơn con người, tài năng và quan nghiệp của ông.

2. NỘI DUNG

2.1 Hồ Nguyên Trừng làm quan tại Việt Nam

2.1.1. Vị trí của Hồ Nguyên Trừng trong triều đình nhà Hồ

Hồ Nguyên Trừng được các nhà sử học như Trịnh Vĩnh Thường, Trương Tú Dân, Đới Khả Lai nhận định là một người rất thông minh, tài giỏi và có khí chất. Mặc dù trong sử liệu

giải thích lý do tại sao Hồ Nguyên Trừng được đổi thành Lê Trừng, nhưng đó là tên thường được sử dụng của Hồ Nguyên Trừng ở Trung Quốc. Còn ở Việt Nam, trong các sách lịch sử và trong truyền tụng của nhân dân Ông được biết đến với cái tên Hồ Nguyên Trừng. Theo Ngô Sĩ Liên(1984, tr.469) tác giả của *Đại Việt sử ký toàn thư* được Giáo sư Trần Kinh Hòa hiệu đính lại trong cuốn *Bản hiệu hợp Đại Việt sử ký toàn thư* xuất bản tại Nhật Bản ghi rằng: “*Năm Giáp Tuất thứ 7 Minh Hồng Vũ thứ 27 (năm 1394), mùa đông tháng 11, bãi bỏ Đăng văn kiểm pháp viện, đặt Thượng Lâm tự. Lấy Lê Nguyên Trừng con cả của Lý Quý Ly làm Phán tư sự. Kỷ Mão Kiến Tân năm 2 (năm 1399) tháng 6, Nguyên Trừng làm Tư đồ. Canh Thìn năm 3 Thượng hoàng nhà Trần băng, ba tháng sau, Lý Quý Ly xưng Thánh nguyên nguyên niên. Minh Kiến văn năm 2 (năm 1400) Hồ Nguyên Trừng phong chức Tả tướng quốc, sau được phong Vệ Quốc Đại Vương*”.

Hồ Nguyên Trừng từng giữ các chức vụ chính thức khác nhau: Trung thư thị lang, Thượng Lâm tự Phán tư sự, Tư đồ, Vệ Quốc Đại Vương. Theo Ngô Sĩ Liên, (1993, tr 868) và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*(1998, tr 323) ghi chép việc Hồ Quý Ly tiếm ngôi vua Trần, sau đó lập nên triều Hồ, xưng niên hiệu là Thánh Nguyên năm thứ 1, quốc hiệu là Đại Ngu, đổi thành họ Hồ. Sau đó truyền ngôi cho con thứ Hồ Hán Thương mà không phải là con cả Hồ Nguyên Trừng. Chính điều này đã khiến cho Hồ Quý Ly rất bối rối, lo lắng Hồ Nguyên Trừng có đồng ý hay không. Nhưng thật không ngờ, Hồ Nguyên Trừng hoàn toàn chấp nhận và cho rằng nên lấy quốc gia làm trọng, sẵn sàng nhượng bộ. Như vậy, tại sao Hồ Quý Ly lại lập con thứ Hồ Hán Thương để truyền ngôi mà không phải là con cả Hồ Nguyên Trừng? Câu hỏi này có thể giải thích như sau: Hồ Quý Ly là người rất thông minh, làm việc “đa mưu túc trí”, đồng thời biết rằng việc “tiếm ngôi” vua Trần là việc làm không đúng, lại làm cho quan lại trong triều rất nhiều người không đồng tình, đặc biệt là Thượng tướng Trần Khát Chân và Thái Bảo Trần Nguyên Hãn lập âm mưu sát hại Hồ Quý Ly nhưng không thành và bị Hồ Quý Ly sát hại. Hồ Nguyên Trừng và Hồ Hán Thương là con cùng cha khác mẹ. Mẹ của Hồ Hán Thương là Công chúa Hy Ninh (con gái vua Trần Minh Tông). Nhưng mẹ của Hồ Nguyên Trừng là ai thì không thấy có sử sách ghi chép lại. Nhà Minh từ xưa tới nay luôn có ý đồ với An Nam, nếu để nhà Minh biết được Hồ Quý Ly lập Nguyên Trừng làm thái tử, đồng thời truyền ngôi cho người hoàn toàn không có bất kỳ mối quan hệ nào với nhà Trần thì chắc chắn sẽ nảy sinh hoài nghi và dễ kiếm cớ xuất binh đánh An Nam. Nhường ngôi cho Hồ Hán Thương đã được con cả Hồ Nguyên Trừng đồng ý, trong triều đình các quan lại sẽ cho rằng Hán Thương là cháu ngoại của vua Trần mà đồng ý, còn ngoài triều đình thì cho rằng họ Trần đã tuyệt nên việc lập cháu ngoại làm vua là điều đúng. Do vậy, có thể nói rằng, kế hoạch và mưu đồ của Hồ Quý Ly là hoàn toàn thông minh và tính toán chính xác.

2.1.2. Quân Minh đánh chiếm nước ta và vị thế của Hồ Nguyên Trừng

Trong khi đó, tại Trung Quốc cũng xảy ra hiện tượng tương tự. Vua Minh đóng đô ở Kim Lăng, Yên Vương Lê làm phản, giết các quan Tam ty, đem quân tiến đánh Kinh sư, đi đâu thắng đấy. Kiến Văn tự thiêu mà chết. Kiến Văn năm thứ 4 (năm 1402), Yên Vương Lê tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Vĩnh Lạc. Ngày 15 tháng 4 năm 1403, Minh Thành Tổ sai sứ

giả Dương Bột sang điều tra tình hình, sau đó về báo lại những lời Hán Thương là đúng sự thật. Minh Thành Tổ phong Hồ Hán Thương làm An Nam Quốc Vương. Theo Trần Trọng Kim (2005, tr.179) và Khâm định Việt sử thông giám cương mục (1998, tr.333) ghi chép Minh Thành Tổ không biết rằng Hồ Quý Ly đã biết nhà Minh phái sứ giả đến An Nam điều tra nên đã bắt buộc quan lại và người già đều phải nói giống nhau một lời. Nhưng đột nhiên, có một vị quan thần cũ của triều Trần từ nước Lào tên Bùi Bá Kỳ, lên báo với vua Minh và xin xuất binh đánh Hồ Quý Ly, khôi phục nhà Trần, bởi vì con cháu triều Trần chưa tuyệt tự. Sau đó ngày 28 tháng 8 năm 1405, từ nước Lào xuất hiện một vị tự xưng là con cháu vua Trần Thánh Tông tên là Trần Thiêm Bình. Không lâu sau, Thiêm Bình bị cha con Hồ Quý Ly giết hại, khiến Minh Thành Tổ rất tức giận. Theo Nghiêm Tòng Giản (1968) ghi chép trong *Thù vực chu tư lục* rằng: “*Giặc Lê ở An Nam phạm tội cực lớn, trời đất không thể dung tha. Nay các người hãy đợi xuất binh thảo phạt. Quân từ phía Quảng Tây đi vào, Tư Bình Hầu từ Vân Nam vào*”.

Từ sự việc trên, Vĩnh Lạc năm thứ 4 (năm 1406) Minh Thành Tổ quyết định xuất binh đánh An Nam. Theo sử liệu *Minh Thái Tông thực lục*, quyển 66 của Trung Quốc phân tích nguyên nhân khác là: sau khi Hồ Quý Ly tiếm ngôi nhà Trần, vào năm Vĩnh Lạc năm thứ 1 (năm 1403), vua Chiêm Thành tố cáo với Minh Thái Tổ rằng An Nam Hồ Quý Ly xâm lược. Cách năm sau, Quảng Tây Tư Minh Phủ Sĩ quan Hoàng Quảng Thành lại tố cáo Hồ Quý Ly xâm lược đất đai ở biên giới. Ba lý do này đã phạm vào một trong hai mươi tội lớn, dẫn đến việc Minh Thành Tổ xuất binh phạt An Nam.

Ở An Nam, Hồ Hán Thương đã biết trước được ý đồ của Minh Thành Tổ nên vào năm Vĩnh Lạc năm thứ 2 (năm 1404) đã ra lệnh đóng thuyền chiến. Vào cuối năm 1405, nguy cơ xâm lược của nhà Minh ngày càng hiện rõ. Hồ Quý Ly mở một cuộc họp bàn luận vấn đề nên hòa hay chiến. Theo Ngô Sĩ Liên, trong triều đình chia làm hai phái: một phái muốn hòa và một phái muốn đánh. Hồ Nguyên Trừng đứng bên phái “đánh”, đồng thời đã đề xuất ý kiến với cha là Hồ Quý Ly rằng: “*Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo*”. Câu nói này đã khiến Hồ Quý Ly phải suy nghĩ, bởi vì nhà Hồ tiếm ngôi nhà Trần đã làm cho quan lại trong và ngoài triều bất mãn, lòng dân không theo. Hồ Nguyên Trừng rõ ràng đã hiểu lòng dân và sớm dự đoán trước rằng, cuộc chiến này nếu không nhận được sự hỗ trợ đồng hành của nhân dân thì khó dành thắng lợi.

Quân Minh chính thức xuất binh “thảo phạt” nước ta. Hồ Hán Thương lệnh Tả Tướng Quốc Nguyên Trừng, Đại Tướng Quân Hồ Đỗi chỉ huy quân thủy và quân bộ chống cự quân Minh. Quân Hồ rất xem trọng thành Đa Bang. Theo Nghiêm Tòng Giản (1968), Hồ Hán Thương lệnh đắp thêm đất để thành cao vọt vợi, phía dưới thành xây thêm hào bao quanh, trong hào bí mật đặt thêm tre nứa vót nhọn, phía ngoài thành đào thêm hào để bẫy người, ngựa của địch, trên thành thủ sẵn những binh khí được quân canh giữ nghiêm ngặt. Sự chuẩn bị này đã gây nhiều khó khăn cho quân Minh. Nhưng tháng 12 năm 1406, quân Minh khí thế như “chẻ tre”, không những đánh bại được quân nhà Hồ mà còn chiếm cứ được thành Đa Bang, binh sĩ nhà Hồ thương vong nhiều không xuể, Hồ Nguyên Trừng phải quay về sông Hoàng Giang. Cha con Hồ Quý Ly bỏ chạy, vào tháng 5, quân của Trương Công Phụ

truy bắt cha con Hồ Quý Ly, sau đó bị bắt tại cửa biển Kỳ La. Trương Công Phụ bắt cha con Hồ Quý Ly đem về Kim Lăng, dâng vua Minh định tội.

2.2. Hồ Nguyên Trừng ở Trung Quốc

2.2.1. Hồ Nguyên Trừng làm quan cho nhà Minh

Cha con Hồ Quý Ly bị Trương Công Phụ bắt đem về Kim Lăng. Hồ Quý Ly bị giam ở Quảng Tây, còn Hồ Nguyên Trừng do giỏi về binh khí nên được Minh Thành Tổ giữ lại, cho một chức quan.

Vương Thế Trinh (2009) ghi chép trong *Yểm châu sử liệu* rằng: Quý Ly được phóng thích và giam lỏng từ nhà ngục ở Quảng Tây, hai người con của Quý Ly là Nguyên Trừng, Hán Thương do giỏi binh khí, làm quan thăng chức dần lên Công Bộ Thượng Thư. Con trai của Nguyên Trừng tên Thúc Lâm, làm quan tới chức Thị Lang, cũng làm bên chế tạo, sửa chữa súng Thần cơ, hai cha con Nguyên Trừng được hưởng bổng lộc triều đình nhà Minh gần năm mươi năm, Nguyên Trừng thọ hơn 80 tuổi, con trai ông cũng thọ gần 70 tuổi. Hồ Nguyên Trừng sau khi bị bắt về Trung Quốc, đều được sử liệu Trung Quốc ghi chép cẩn thận đầy đủ về ông, xưng hô ông rất tôn kính, ví dụ: trong *Minh sử*, *Yểm châu sử liệu* đều dùng “hoàng tử An Nam” để viết về Hồ Nguyên Trừng: *Trừng trước là em trai của Quốc vương An Nam, đã quy thuận, chuyên quản lý về vũ khí lớn của quân đội. Năm Cảnh Thái được thăng chức Lại Bộ Tả Thị*.

Trong *Từ điển lịch sử Đông Nam Á* của tác giả Diêu Nam (1995, tr.297) viết rằng: “*Hồ Nguyên Trừng là đại thần của triều Hồ nước Việt Nam, cũng là nhà binh khí. Còn có tên là Hồ Trừng, sau đổi thành Lê Trừng, tự Mạnh Nguyên, tên gọi khác là Nam Ông, người Thanh Hóa, là con trưởng của Hồ Quý Ly, được phong làm Tả Tướng Quốc. Năm 1407, bị quân Minh bắt, giải về Kim Lăng (nay Nam Kinh). Ở Trung Quốc thì đổi sang họ Lê. Vì giỏi binh khí có thể chế tạo súng Thần Thương hỏa khí, được triều đình nhà Minh phong thụ chức quan, sau thăng chức lên Công Bộ Thượng thư. Được quân sĩ đời Minh phong làm “hỏa khí chi thần”. Có tác phẩm “Nam Ông mộng lục”.*

Chức Công Bộ Thượng thư là chức quan lớn trong triều đình phong kiến xưa, tương đương với chức Bộ Trưởng ngày nay. Hồ Nguyên Trừng làm đến chức Công Bộ Thượng Thư, điều này chứng tỏ tài năng và công hiến của ông đối với triều đình nhà Minh là rất lớn và rất được vua nhà Minh xem trọng. Theo Hoàng Cảnh Phưởng ghi chép trong *Quốc sử duy nghi*, quyển 2, đời nhà Thanh, Khang Hy năm thứ 30 thì: “*An Nam Lê Trừng, trước đây là con của Quý Ly, Thượng Hoàng nước Đại Ngu, sau được phong là Quốc Vương, bại trận bị bắt. Do giỏi “thần thương hỏa khí”, dần dần được thăng lên chức Công Bộ Thượng thư. Con trai là Thúc Lâm, cũng được thăng đến chức Thị Lang. Cha con đều làm quan, hưởng bổng lộc triều đình năm mươi năm, dùng tài năng cống hiến hết mình. Ngày nay “tế binh khí cũng phải tế Trừng”.*

Hồ Nguyên Trừng đã khẳng định được mình khi làm quan ở nước người bằng chính tài năng và con người của ông. Những thế hệ quân sĩ sau này, khi làm nghi lễ cũng bái thì cũng đều phải ghi nhớ đến công ơn và đóng góp của ông cho nền quân sự của Trung Quốc. Theo *Minh sử*, quyển 111, biểu số 127: Công Bộ Thượng thư có viết: *Kỷ sửu năm thứ 10. Hoàng tử An Nam Lê Trừng, tháng 6 đảm nhiệm và chuyên phụ trách việc trong phủ. Bính Dần năm*

thứ 11, tháng 7, Trùng mắt.

Như vậy, vào năm thứ 10 tháng 6 Kỷ Sửu, Hồ Nguyên Trừng vẫn đảm nhiệm việc trong triều đình. Nhưng năm sau, tức năm Bính Dần thứ 11 vào tháng 7 thì ông mất, suốt cuộc đời, đến khi tạ thế, ông vẫn luôn làm việc và cống hiến chăm chỉ.

2.2.2. Phát minh của Nguyên Trùng ở Trung Quốc

Hồ Nguyên Trùng khi ở An Nam đã nổi tiếng là thông minh, giỏi về binh khí. Thời gian khi Hồ Nguyên Trùng ở An Nam đã phát minh ra súng cầm tay, nhưng sau khi bị bắt về Trung Quốc thì mới được hoàn thiện, đồng thời được gọi là người phát minh ra súng cầm tay. Hồ Nguyên Trùng đã sử dụng kỹ thuật thuốc súng hiện có của Trung Quốc, kết hợp với kỹ thuật hỏa khí ở An Nam, chế tạo thành công súng thần sắc bén. Vào thời Minh, Hồ Nguyên Trùng đã tiến hành nhiều cuộc thí nghiệm với đạn của súng thần thương, ví dụ như đạn dài, đạn tròn,...

Liên quan đến phương pháp chế tạo súng, Trương Tú Dân (1992, tr.56) đã chép rằng: *Sách Minh sử binh chế giả đã nói rõ cách chế tạo súng của Nguyên Trùng như sau: Sử dụng luân phiên đồng đỏ sống và chín, ngoài ra cũng có thể dùng sắt, loại sắt mềm dẻo là tốt nhất, thứ nữa là dùng thép phương tây. Kích thước to nhỏ không giống nhau, loại to phải dùng xe, loại vừa và nhỏ phải dùng giá đỡ, dùng cây lớn, dùng nâng lên. Loại lớn tiện cho phòng thủ, loại nhỏ tiện cho chiến tranh, tùy ý mà dùng, là thiết bị cần thiết cho hành quân. Vĩnh Lạc năm thứ 10, chiếu từ Khai Bình đến Hoài Lai, Tuyên Phủ, Vạn Quyển, Hưng Hòa, những nơi núi cao, năm bệ súng đã được lắp đặt. Vào năm hai mươi, từ lời thỉnh cầu của Trương Phụ, đặt thêm tại Sơn Tây Đại Đồng, Thiên Thành, Dương Hòa, Sóc Châu,... để củng cố việc phòng thủ. Những vũ khí lợi hại không thể để người khác thấy, triều đình cũng rất trân quý nó vậy.*

Súng của Hồ Nguyên Trùng phong phú thể loại, sử dụng thành phần nguyên liệu tốt như đồng, sắt; vừa cứng vừa dẻo dai. Có thể đặt trên xe, trên giá đỡ hoặc dùng cây lớn, hoặc dùng nâng đỡ,... đều có thể bắn ra; mục đích sử dụng có thể dựa theo ý muốn của người sử dụng, rất thuận tiện khi di chuyển hành quân. Súng của Hồ Nguyên Trùng đã có những điểm cải tiến mới như: đạn bắn ra với tốc độ cao, tầm bắn xa, tỷ lệ trúng đích cao và khả năng sát thương cao, bắn “một phát có thể xa tới ba trăm bước”. Những cải tiến này chủ yếu dựa vào sự cải tiến về nòng súng, nơi đặt thuốc súng và đạn. Ngoài ra còn có rãnh ở ngòi súng, giúp dẫn thuốc súng phát ra, nòng súng còn có nắp đóng và mở, giúp phòng tránh được nước mưa gây ẩm thuốc súng hoặc chống cháy. Vĩnh Lạc năm 1403-1424, Minh Thành Tổ thành lập doanh trại súng Thần cơ. Theo Hoàng Bản Ký là viết tác phẩm *Lịch đại quan chức biểu*, phần *Hỏa khí kiến duệ hồ thương các doanh*, vào thời nhà Thanh và được biên tập, xuất bản lại vào năm 2005 có ghi chép rằng: “Thời nhà Minh thành lập Thần cơ doanh, để nghiên cứu, thực hành về súng và pháo. Lập hai cục binh trượng và quân khí, để phân ty chế tạo về hỏa khí và trang thiết bị quân đội”.

Hồ Nguyên Trùng từng làm việc tại *Thần cơ doanh*. Ông chuyên tâm nghiên cứu và chế tạo súng. Nhằm ghi nhớ công ơn, những đóng góp và tài năng của ông, triều đình nhà Minh mỗi lần tổ chức nghi lễ tế “Thần súng” thì nhất định cũng phải tế ông. Vào thời nhà Minh, ngoài Hồ Nguyên Trùng người An Nam thì còn có những nhà phát minh “hỏa khí” khác nữa

như: Tôn Nguyên Hóa (1582 – 1632), Từ Quang Khởi (1562 – 1633). Thế nhưng, với những phát minh và cải tiến về các loại súng của ông, triều đình nhà Minh đã xem ông như là một vị quan quan trọng nhất của triều đình, đặc biệt trong lĩnh vực quân sự, phương diện chế tạo vũ khí, nơi mà Hồ Nguyên Trừng đã cống hiến phần cuộc đời còn lại của mình.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Hồ Nguyên Trừng được biết đến là một nhà quân sự tài ba, nhà chế tạo vũ khí giỏi,... Những nghiên cứu về Hồ Nguyên Trừng trong thời gian ở Trung Quốc còn rất khan hiếm về mặt tư liệu. Chính vì vậy, người viết đã dành rất nhiều thời gian và công sức thu thập tất cả tài liệu liên quan đến nhân vật này tại Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan,... cụ thể liên quan đến cuộc đời, phát minh về súng của Hồ Nguyên Trừng, người viết đã thu thập từ những tài liệu như: Đại Việt sử ký toàn thư (xuất bản ở Việt Nam và Nhật Bản), Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Minh Thực lục, Thù vực chu tư lục, Tuyển tập luận văn lịch sử quan hệ Trung - Việt (tại Đài Loan, Trung Quốc). Do đó, phương pháp thu thập tài liệu là phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài viết này.

Phương pháp nghiên cứu lịch sử cũng được sử dụng trong bài viết này. Cụ thể, người viết thông qua trình bày những nội dung trong bài đã làm rõ những câu hỏi sau về nhân vật lịch sử Hồ Nguyên Trừng, ví dụ: Nhân vật lịch sử là Hồ Nguyên Trừng, sống vào giai đoạn lịch sử nào nhà Hồ (ở Việt Nam), nhà Minh (ở Trung Quốc), đã chế tạo ra sản phẩm gì,... Tất cả những thông tin trên đạt được đều phải sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử, cụ thể là nhân vật lịch sử. Và cũng nhờ sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử mà người viết đã tiếp cận được bút tích bia ký do Hồ Nguyên Trừng đề tựa, hiện còn lưu giữ tại Bắc Kinh, Trung Quốc.

Ngoài ra, còn sử dụng phương pháp so sánh để tìm ra điểm cải tiến trong sản phẩm súng của Hồ Nguyên Trừng. Phương pháp điền dã thực tế cũng được sử dụng trong bài viết này. Cụ thể, người viết đã đến thăm chùa Tú Phong, tại thành phố Bắc Kinh, vùng Hải Diên huyện Bắc An Hà núi Thử Phong (thuộc công viên rừng Thử Phong) để ghi chép và tìm hiểu về nội dung bức bia ký tại đây.

2.4. Bàn luận

Ngày nay, tại Trung Quốc, thành phố Bắc Kinh, vùng Hải Diên huyện Bắc An Hà núi Thử Phong (thuộc công viên rừng Thử Phong), có một ngôi chùa cổ có tên gọi là chùa Tú Phong. Vào triều Minh, Chính Đức, năm thứ 6, thái giám Cao Nhượng xây dựng ngôi chùa này. Sau nhiều lần thay đổi tên, đến năm 1929 chính thức lấy tên chùa Tú Phong, đồng thời tu bổ thêm nhiều hạng mục trong chùa. Tại đây còn lưu giữ một tấm bia, nội dung tấm bia do Hồ Nguyên Trừng viết. Hiện nay, ở phía Tây Bắc Kinh vẫn còn sót lại ngôi mộ của Hồ Nguyên Trừng. Mong rằng một ngày nào đó, hài cốt của Hồ Nguyên Trừng và con cháu của ông sẽ được chuyển về Việt Nam để người Việt thờ cúng. Đây cũng là điều mà người viết luôn suy nghĩ và trăn trở. Lịch sử đã đi qua, những sự việc đúng sai đã được thời gian và các nhà nghiên cứu làm rõ. Hồ Nguyên Trừng cũng một lòng lưu luyến quê hương, nỗi nhớ quê nhà luôn day dứt trong lòng ông và được thể hiện trong tác phẩm *Nam Ông mộng lục*. Tác phẩm đã đề cập đến những câu chuyện về nhân vật có thật trong lịch sử, với những sự việc đã từng xảy ra, chính vì vậy có thể xem tác phẩm *Nam Ông mộng lục* đã mở đường cho

khuyňh hướng viết về người thật, việc thật trong nền văn học Việt Nam. Với tác phẩm này, tài năng sáng tác văn học của Hồ Nguyên Trùng đã nhận được sự khẳng định của học giả hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Theo bài tựa trong tác phẩm *Nam Ông mộng lục*, Lễ Bộ Thượng Thư, nhà văn học của Triều Minh, Hồ Huýnh đã tán dương Hồ Nguyên Trùng rằng: “tính tư minh mẫn, tài học ưu trường” (nghĩa là: tính cách, tư duy minh mẫn, học rộng, ưu tú. Theo lời tựa cuối sách *Nam Ông mộng lục* của Tống Chương - người An Nam cùng làm quan ở triều Minh cho rằng: “Hồ Nguyên Trùng với văn chương hay chính sự, cả hai lĩnh vực đều giỏi”. Mặc dù Hồ Nguyên Trùng ko bị tù đày, ko bị giết bởi nhà Minh, mà ngược lại ông còn được triều đình nhà Minh quý trọng, cho làm quan và hưởng bổng lộc, nhưng trong lòng ông vẫn lưu luyến, nhớ nhung quê hương An Nam, nơi mà có những người tiêu biểu tài giỏi chứ ko chỉ riêng mình ông. Tác phẩm *Nam Ông mộng lục* cũng cung cấp thêm những sử liệu quý giá cho những nhà nghiên cứu sau này khi muốn tìm hiểu về đời sống xã hội nước ta lúc bấy giờ.

3. KẾT LUẬN

Trong nội dung của bài báo này, tác giả đã tiến hành nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp làm quan của Hồ Nguyên Trùng. Bất luận ở Việt Nam hay ở Trung Quốc, ông đều có nhiều đóng góp lớn cho triều đình mà ông từng phục vụ. Ở Việt Nam, triều Hồ, Hồ Nguyên Trùng là Tả Tướng Quốc, ông cùng vua cha là Hồ Quý Ly và em trai là Hồ Hán Thương lập xưởng đúc đồng, phát hành tiền giấy, thu hồi tiền xu, đóng tàu chiến, đặc biệt phát minh ra súng “thần cơ” và được đem ra sử dụng trong kháng chiến chống quân Minh sang xâm lược nước ta. Nhưng súng thần cơ của Ông lúc đấy còn khá đơn giản, chưa được hoàn thiện nên chưa được sử dụng phổ biến ở nước ta thời đó. Mãi sau khi Hồ Nguyên Trùng trong thời gian ở Trung Quốc đã làm quan đến chức Công Bộ Thượng thư, chuyên phụ trách quân khí trong quân đội, đặc biệt là phát minh ra súng “hỏa khí” mới hơn, tiến bộ hơn,... Súng của ông đã được cải tiến “bắn một phát có thể đi xa đến ba trăm bước”, tốc độ đạn bắn ra nhanh. Hồ Nguyên Trùng được hoàng đế nhà Minh rất trọng dụng. Khi ông mất, Minh Thành Tổ đã cho lập bàn thờ để cúng tế ông, và sau này “mỗi khi cúng binh khí đều phải tế Trùng”. Hồ Nguyên Trùng có con trai là Lê Thúc Lâm, tiếp tục tiếp quản công việc của cha, giám sát và chế tạo quân khí, làm quan đến chức Thị Lang. Ngoài việc chế tạo vũ khí, Hồ Nguyên Trùng còn để lại bút tích ở tấm bia của chùa Tú Phong thuộc công viên rừng Thúu Phong, và ngôi mộ của ông hiện đang nằm ở phía Tây, thành phố Bắc Kinh. Trong lĩnh vực văn học, Hồ Nguyên Trùng còn để lại tác phẩm *Nam Ông mộng lục*, tác phẩm được viết khi ông làm quan ở Trung Quốc, nội dung viết về những nhân vật và sự kiện tiêu biểu của nước An Nam, khích lệ những việc thiện, điều hay. Tác phẩm được xem là mở đầu cho khuyňh hướng sáng tác, viết về người thật, việc thật trong văn xuôi Việt nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Tú Dân (1992), *Tuyển tập luận văn lịch sử quan hệ Trung-Việt*, Nxb. Văn sử triết.
2. Nghiêm Tông Giản (1968), *Thù vực chu tư lục*, quyển 5: Nam di. Đài Bắc, Nxb. Kinh Hoa.
3. Trần Kinh Hòa (1984), *Bản hiệu hợp Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Đại Học Tokyo, Sở nghiên cứu văn hóa Đông Dương.

4. Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam sử lược*, Nxb. Tổng hợp.
5. Hoàng Bản Ký (2005), *Lịch đại chức quan biểu*, Nxb. Cổ tịch.
6. Ngô Sỹ Liên (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội.
7. Diêu Nam (1995), *Từ điển lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Từ thư.
8. Quốc sử quán Triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục.
9. Hoàng Cảnh Phưởng (2002), *Quốc sử duy nghi*, Nxb. Cổ tịch.
10. Vương Thế Trinh (2009), *Yểm châu sử liệu*, Nxb. Hoàng Sơn.

THE LIFE OF HO NGUYEN TRUNG AS AN AN NAM PIONEER INVENTING CANNON

Abstract: *Ho Nguyen Trung (1374-1446), also known as Manh Nguyen, Nam Ong or Le Trung, was the eldest son of the Ho Quy Ly of Viet Nam. Ho Nguyen Trung held office as Tu Do in the Tran Dynasty and Ta Tuong Quoc in the Ho Dynasty in Vietnam. In 1407, he was kidnapped and held a political prisoner when the Ming Dynasty invaded Vietnam. It was known as an expert in weapons in Vietnam, so he was forced to be an officer by the Ming Dynasty in Nanjing for researching gun firearms. Originally, he held as an officer in the Ministry of Industry, and being promoted Shang shu. He was regarded as “God of firearms” in the Ming Dynasty. This paper is gong to discuss his life and researches in Viet Nam and China, and how his contribution is to the firearm technology.*

Keywords: *Ho Nguyen Trung, God of firearms, the Ho Dynasty, the Ming Dynasty.*